

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HSST
Ngày 11/4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Quảng.

Bà Tô Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Ph1 Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2024/HSST ngày 06/02/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HS 27 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đinh Văn Ng, sinh ngày 03/5/1989; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Q (đã chết) và bà Bùi Thị T3; bị cáo có vợ là Phạm Thị Th và có 4 con, lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 45/2012/HSPT ngày 13/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh T2, xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T1, tỉnh T2; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Đại Ph, sinh ngày 13/10/2001; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn ThC, xã NTh, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ và bà Trần Thị Th1; bị cáo chưa có vợ, con tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T1, tỉnh T2; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Đức C, sinh ngày 12/8/2000; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn ThC, xã NTh, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn M và bà Trần Thị Th1; bị cáo chưa có vợ, con tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T1, tỉnh T2; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

4. Hà Văn Ph1, sinh ngày 13/10/2001; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Ph và bà Đinh Thị T4; bị cáo chưa có vợ, con tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tháng 3/2021 tham gia nghĩa vụ quân sự đóng quân tại Trung Đoàn 43, Sư đoàn 395, Quân khu 3. Ngày 11/01/2023 xuất ngũ về địa phương lao động tự do; bị bắt tạm giam từ ngày 07/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T1, tỉnh T2; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đoàn Lã H, sinh năm 1990, trú tại thôn VT, xã NT; anh Trần Văn T, sinh năm 1986 và anh Tô Văn H1, sinh năm 1991, đều trú tại thôn Đ, xã TG; anh Phạm Mai H, sinh năm 2001, trú tại thôn ĐL, và ông Trương Văn Đ, sinh năm 1970, trú tại thôn ThC, xã NTh, đều thuộc huyện T1, tỉnh T2. Chị Lương Thị O, sinh năm 2005 trú tại bản C, xã QC, huyện TG, tỉnh Đ. Chị Sầm Thị Thùy L, sinh ngày 06/3/2008, trú tại bản Đ, xã CP, huyện Q, tỉnh N (có mặt ông Trương Văn Đ, anh Phạm Mai H; những người khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 30/10/2023 sau khi ăn uống tại xã NT thì Trương Đại Ph sinh năm 2001 và Trương Đức C sinh năm 2000 đều trú tại thôn ThC, xã NTh, huyện T1, tỉnh T2, Lương Thị O sinh năm 2005 trú tại bản C, xã QC, huyện TG, tỉnh Đ và anh Phạm Mai H sinh năm 2001, trú tại thôn ĐL, xã NTh, huyện T1 đi về quán Karaoke T R ở thôn ThL, xã NP, huyện T1 do Trương Đại Ph làm quản lý. O và anh Phạm Mai H đi vào phòng để nghỉ ngơi còn Ph, C ra bàn ngồi uống nước. Đến khoảng 00 giờ ngày 31/10/2023 có Đinh Văn Ng sinh năm 1989, Đoàn Lã H sinh năm 1990 và Hà Văn Ph1 sinh năm 2001 đều trú tại thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh T2 đến quán ngồi uống nước cùng Ph, C. Trong lúc ngồi uống nước thì Ng nói với Ph “Chú cháu mình làm tý” ý nói rủ Ph cùng sử dụng ma túy thì Ph đồng ý. Ng bảo Ph lấy 01 chỉ Ketamine và 03 viên thuốc lắc (ma túy loại MDMA) thì C bảo phải lấy 02 chỉ Ketamine và 03 viên thuốc lắc mới đủ dùng. Ph tính toán số tiền tổ chức sử dụng ma túy rồi thống nhất chia bên Ng trả 05 triệu đồng còn bên Ph trả 02 triệu đồng thì Ng bảo tính toán sau. Ph ra ngoài dùng điện thoại di động gọi qua ứng dụng Zalo cho 01 người đàn ông tên Tr (không rõ tuổi, địa chỉ) ở huyện TT, tỉnh T2 và tự giới thiệu là chủ quán Karaoke T R và đặt mua của người này 02 chỉ Ketamine và 03 viên thuốc lắc đồng thời hẹn 1 ngày sau khi giao ma túy sẽ trả tiền cho người này tại quán Karaoke T R ở thôn ThL, xã NP, người này đồng ý bán cho Ph 02 chỉ Ketamine và 03 viên thuốc lắc (ma túy loại

MDMA) với giá 6.000.000 đồng và hẹn giao ma túy tại công TR thuộc địa phận xã NT, huyện T1. Sau đó Ph bảo C điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra màu trắng biển kiểm soát: x chở Ph1 đến khu vực công TR để nhận ma túy. Tại đây C, Ph1 gặp 02 người đàn ông đeo khẩu trang đi xe mô tô không rõ biển kiểm soát, C hạ kính cửa ghế lái xe ô tô thì người ngồi phía sau xe mô tô ném vào chỗ C 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, C mở ra xem thấy bên trong có 03 viên thuốc lắc (ma túy loại MDMA) và 02 túi nilon có chứa ma túy loại Ketamine để vào hộp đựng đồ ghế lái ô tô rồi điều khiển xe về quán Karaoke T R. Trong lúc chờ C và Ph1 đi lấy ma túy thì Ng bảo Ph gọi 01 nhân viên nữ đến quán để rót bia, bấm bài hát. Ph gọi điện cho Tô Văn H1 sinh năm 1991 trú tại thôn Đ, xã TG, huyện T1 thuê 01 nhân viên nữ đến quán. H1 đồng ý, sau đó H1 bảo Trần Văn T sinh năm 1986 trú tại thôn Đ, xã TG chở Sầm Thị Thùy L, sinh ngày 06/3/2008 trú tại bản Đ, xã CP, huyện Q, tỉnh N xuống quán Karaoke T R để phục vụ.

Sau khi lấy được ma túy, C mang về quán mở bao thuốc lá lấy ra 02 túi nilon chứa ma túy loại Ketamine và 03 viên thuốc lắc (ma túy loại MDMA) được đựng trong vỏ bao thuốc lá lên mặt bàn. Ng cầm 01 viên thuốc lắc cắn làm đôi, Ng sử dụng $\frac{1}{2}$ viên còn $\frac{1}{2}$ viên đưa cho C, C cầm $\frac{1}{2}$ viên thuốc lắc đưa cho Ph sử dụng, Ph1 cầm viên thuốc lắc ở bàn cắn làm đôi đưa cho C sử dụng, sau đó H thấy trên bàn có $\frac{1}{2}$ viên thuốc lắc thì tự lấy sử dụng, Ph lấy tiếp $\frac{1}{2}$ viên thuốc lắc còn lại trên mặt bàn mang vào phòng đưa cho Lương Thị O để sử dụng. C vào phòng đựng đồ của quán lấy 01 một chiếc đĩa sứ màu trắng dạng hình vuông, 01 chiếc thẻ ATM màu xanh mang tên TRUONG DAI PH. Ng dùng chiếc bật lửa ga màu đỏ có sẵn trên bàn hơi nóng phần đáy đĩa rồi lấy 01 túi nilon chứa Ketamine xé vỏ để lên trên mặt đĩa. Ph1 lấy ra 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đồng đưa cho Ng mục đích để cuộn ống hút nhưng do C nhặt được 01 ống hút được cuộn sẵn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000đồng tại khu vực quán nên Ng trả lại Ph1 tờ tiền mệnh giá 10.000đồng. C bê đĩa sứ cùng Ng, H, Ph1 đi vào phòng Karaoke số 01. Thấy trên mặt bàn uống nước còn 01 túi nilon chứa Ketamine chưa sử dụng, Ph lấy đứt vào túi quần bên trái đang mặc mục đích mang theo để mang vào phòng hát cùng Ng, Ph1, C, H sử dụng, sau đó Ph cùng O đi lên tầng hai của quán. Trong phòng hát Karaoke số 01 lúc này Ng dùng chiếc thẻ ATM xào Ketamine cho mịn rồi kẻ 04 đường Ketamine trên đĩa, do Ng kẻ các đường Ketamine to nên không ai sử dụng. Thấy Ng đi ra nhà vệ sinh, C dùng thẻ ATM đảo lại Ketamine và chia lại thành 06 đường Ketamine nhỏ rồi bê đĩa mời Đoàn Lã H sử dụng. H cầm ống hút hút hết 02 đường Ketamine; C cầm ống hút hút hết 02 đường Ketamine trên đĩa rồi đặt đĩa lên trên bàn. Đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 31/10/2023 Sầm Thị Thùy L là nhân viên nữ đi vào phòng hát. L thấy trong phòng mở nhạc Nonstop, đèn sáng tắt, đèn laser bật, L nhìn thấy trên bàn thứ nhất cạnh khu vực bấm chọn bài hát có 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, biết mọi người sử dụng ma túy trong phòng nên L đi ra ngoài thì gặp Ph, L bảo Ph “Em không làm phòng bay”, nhưng Ph bảo “Em vào ngồi cùng mọi người một lát, không phải chơi đồ”. L đồng ý vào phòng hát cùng Ph và O. Thấy trên đĩa sứ đã kẻ sẵn các đường Ketamine, Ph bê đĩa sứ, cầm ống hút sử dụng 02 đường Ketamine trên đĩa rồi bê đĩa sứ mời O sử dụng ma túy. O cầm ống hút sử dụng 01 đường Ketamine trên đĩa. Ph tiếp tục bê đĩa sứ đưa ống hút mời L sử dụng ma túy, L cầm ống hút sử dụng 01 đường Ketamine trên đĩa thì Ph1 bật đèn flash điện thoại soi cho L sử dụng ma túy. Thấy Ng đang nằm lên ghế nghỉ. Ph gọi Ng dậy và mời sử dụng ma túy, Ng cầm

ông hút hít hết 01 đường Ketamine đã được kẻ trên đĩa rồi tiếp tục nằm ra ghế. Sau khi sử dụng ma túy cả nhóm cùng nhau nhảy, hát. Đến khoảng 03 giờ 15 phút cùng ngày, qua thông tin tố giác của quần chúng nhân dân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã kiểm tra, phát hiện và thu giữ tại phòng hát Karaoke số 01 quán T R 01 đĩa sứ màu trắng, dạng hình vuông trên mặt đĩa có chứa chất tinh thể màu trắng; 01 bật lửa đỏ; 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank mang tên Trương Đại Ph; 01 ống hút được cuộn bằng 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cố định bằng 03 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng; 01 túi nilon trong suốt có kẻ viền đỏ bên trong chứa chất tinh thể màu trắng do Trương Đại Ph tự nguyện giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5 prime đã qua sử dụng của Trương Đại Ph; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 đã qua sử dụng của Hà Văn Ph1.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph; Trương Đức C, Hà Văn Ph1 đều khai nhận hành vi phạm tội đã nêu trên.

- Bản Kết luận giám định số 1635/KL-KTHS ngày 07/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2, kết luận: Trong mẫu nước tiểu M1 thu giữ của Sầm Thị Thùy L gửi giám định chứa sản phẩm chuyển hóa của ma túy loại Ketamine; trong các mẫu nước tiểu M2, M3, M5, M6, M7 thu giữ lần lượt của Lương Thị O, Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C và Hà Văn Ph1 gửi giám định đều chứa sản phẩm chuyển hóa của hai loại ma túy, Ketamine và MDMA; trong mẫu nước tiểu M4 thu giữ của Đoàn Lã H gửi giám định chứa sản phẩm chuyển hóa của ba loại ma túy Ketamine, MDMA và Methamphetamine.

- Bản Kết luận giám định số 1634/KL-KTHS ngày 06/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2, kết luận: Mẫu vật quản lý tại phòng Karaoke 01 của quán The Royal gửi giám định là ma túy loại Ketamine, có khối lượng 0,3025 gam; Mẫu vật quản lý của Trương Đại Ph gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng 0,6855 gam.

- Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của Hà Văn Ph1, Trương Đức C, Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Lương Thị O, Đoàn Lã H, Sầm Thị Thùy L đều có kết quả không nghiện ma túy.

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKSTH ngày 05/02/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố các bị cáo Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C, Hà Văn Ph1 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C, Hà Văn Ph1 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã truy tố đối với các bị cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ Ng quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng số 23/CT-VKSTH và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Các bị cáo: Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C, Hà Văn Ph1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Văn Ng từ 7 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 8 (tám) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Đại Ph từ 7 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 8 (tám) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Đức C từ 7 (bảy) năm 3 (ba) tháng đến 7 (bảy) năm 9 (chín) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn Ph1 từ 7 (bảy) năm 3 (ba) tháng đến 7 (bảy) năm 9 (chín) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 còn đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với Kiểm sát viên về bản luận tội.

Kết thúc phần tranh luận các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C, Hà Văn Ph1 đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại hay có ý kiến gì nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo:

[2.1] Xét thấy, tại phiên tòa các bị cáo Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C, Hà Văn Ph1 đều đã khai nhận hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán Karaoke T R ở thôn TL, xã NP, huyện T1 do Trương Đại Ph làm quản lý vào rạng sáng ngày 31/10/2023. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Tổ giác của công dân xã NP, huyện T1, tỉnh T2; Biên bản làm việc, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, biên bản niêm Ph đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Biên bản kiểm tra điện thoại và các bản trích xuất dữ liệu từ điện thoại; Các Bản Kết luận giám định; Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của Hà Văn Ph1, Trương Đức C, Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Lương Thị O, Đoàn Lã H, Sầm Thị Thùy L; Biên bản ghi lời khai của những

người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 0 giờ 45' ngày 31/10/2023 tại quán Karaoke T R ở thôn TL, xã NP, huyện T1, tỉnh T2 do Trương Đại Ph làm quản lý, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 phát hiện, Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C và Hà Văn Ph1 đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho cả nhóm gồm Ng, Ph, C, Ph1, Đoàn Lã H, Sầm Thị Thùy L, sinh ngày 06/3/2008 và Lường Thị O. Trong đó Đinh Văn Ng và Trương Đại Ph là những người khởi xướng, Trương Đức C, Hà Văn Ph1 tích cực tham gia với vai trò đồng phạm. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã lập biên bản quản lý 0,3025 gam Ketamine trên mặt đĩa sứ hình vuông màu trắng trong phòng hát, quản lý 0,6855 gam Ketamine do Trương Đại Ph tự nguyện giao nộp với mục đích tổ chức cho cả nhóm sử dụng cùng một số vật chứng khác.

[2.3] Hành vi của các bị cáo Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C và Hà Văn Ph1 đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b,c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội phạm thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

Điều 255 Tội tổ chức sử dụng trái phép chất túy:

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C và Hà Văn Ph1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, làm suy thoái nòi giống con người, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội; các bị cáo phạm tội với nhiều người, phạm tội đối với người dưới 18 tuổi.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Đinh Văn Ng là người khởi xướng việc sử dụng trái phép chất ma túy nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo Trương Đại Ph là người trực tiếp liên hệ mua ma túy, yêu cầu C và giao xe cho C và Ph1 đi lấy ma túy, cho các bị cáo khác và người khác sử dụng ma túy tại Quán Karaoke của mình nên giữ vai trò thứ nhất cùng bị cáo Ng; bị cáo Trương Đức C và Hà Văn Ph1 đi lấy ma túy về sử dụng, trong đó bị cáo C trực tiếp lái xe đi lấy ma túy, trực tiếp lấy công cụ và Ph1 tiện phạm tội là đĩa sứ, ống hút, thẻ ATM, C còn dùng thẻ ATM đảo Ketamine và chia lại thành 06 đường Ketamine nhỏ cho bản thân và người khác sử

dụng, giữ vai trò thứ 3; bị cáo Hà Văn Ph1 cùng C đi lấy ma túy, cần đôi 01 viên ma túy đưa cho C sử dụng, soi đèn điện thoại cho Sầm Thị Thuý L sử dụng ma túy nên xếp sau cùng trong vụ án.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4.1] Về nhân thân, các bị cáo Trương Đại Ph, Trương Đức C và Hà Văn Ph1 có nhân thân tốt, trước khi phạm tội các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Đinh Văn Ng có nhân thân bị xử phạt tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, tại Bản án số 45/2012/HSPT ngày 13/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh T2, bị cáo đã chấp hành xong, đã được xoá án tích.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, các bị cáo Trương Đại Ph, Đinh Văn Ng, Trương Đức C và Hà Văn Ph1 đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự là “Người phạm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Bị cáo Hà Văn Ph1 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[5] Về hình phạt:

[5.1] Về hình phạt chính: Xét thấy ma túy là hiểm họa của toàn xã hội, làm suy thoái nòi giống con người và là Ng nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Các bị cáo là những người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức được tác hại của việc sử dụng ma túy nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với nhiều người, trong đó có cả người dưới 18 tuổi. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo gây ảnh hưởng rất xấu đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm về ma túy. Do đó, hành vi của các bị cáo cần thiết phải xử phạt bằng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt tù cho các bị cáo.

[5.2] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C và Hà Văn Ph1, không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định; việc tổ chức sử dụng ma túy là do ham vui, không vì lợi ích vật chất nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

[6.1] Đối với số ma túy được niêm Ph trong 02 Ph bì ghi “Hoàn trả mẫu vật sau giám định” niêm phong số 1634/KL-KTHS; 1 đĩa sứ màu trắng; 1 thẻ ATM màu xanh của ngân hàng AGRIBANK mang tên TRUONG DAI PH; 1 bật lửa gas màu đỏ xác định là vật chứng, công cụ Ph1 tiện phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

[6.2] Đối với 1 điện thoại di động Iphone 6 màu xám thu của Hà Văn Ph1; 1 điện thoại di động SAMSUNG Galaxy J5 prime đã qua sử dụng thu của Trương Đại Ph và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn làm ống hít xác định là công cụ, Ph1 tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[6.3] Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra màu trắng biển kiểm soát: 17A-059.26 do C điều khiển để chở Hà Văn Ph1 đi lấy ma túy xác định là của anh Trương Văn Đ, sinh năm 1970 trú tại thôn ThC, xã NTh, huyện T1, tỉnh T2 (là bố đẻ Trương Đại Ph). Tài liệu điều tra thể hiện việc Trương Đại Ph mượn xe đi, nhưng sau đó Ph đưa xe để C và Ph1 điều khiển xe đi lấy ma túy, anh Đ không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 không quản lý và giao chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trương Văn Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. *Về nguồn gốc số ma túy thu giữ trong vụ án:* Trương Đại Ph khai mua của một người thanh niên tên Tr, (Ph khai không biết năm sinh, địa chỉ cụ thể), Ph khai sau khi giao dịch mua bán ma túy xong đã xóa nhật kí, xóa tài khoản của Tr trên ứng dụng Zalo, qua kiểm tra điện thoại thấy Ph không lưu số điện thoại của Tr. C và Ph1 khai không biết tên, tuổi, địa chỉ hai nam thanh niên đã giao ma túy cho C, Ph1 tại khu vực công T R, xã NT, huyện T1. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 không có căn cứ xác minh những người bán và giao ma túy để xử lý.

[8]. *Về vấn đề khác của vụ án:* Trong vụ án này có anh Đoàn Lã H, sinh năm 1990, trú tại thôn VT, xã NT, huyện T1; Chị Lương Thị O sinh năm 2005 trú tại bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Đ; chị Sâm Thị Thùy L sinh ngày 06/3/2008 trú tại bản Đ, xã CP, huyện Q, tỉnh N là những người cũng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tài liệu điều tra thể hiện H, O, L không xúi giục, giúp sức hoặc có hành vi khác tham gia vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng Ng, Ph, C, Ph1 nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 không truy cứu trách nhiệm hình sự mà ra quyết định xử phạt hành chính đối với Đoàn Lã H, chị Lương Thị O, chị Sâm Thị Thùy L về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

[9]. *Về án phí:* Các bị cáo Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C, Hà Văn Ph1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Tuyên bố:

Các bị cáo Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C, Hà Văn Ph1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Văn Ng 07 (bảy)

năm 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/11/2023. Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Đại Ph 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/11/2023. Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Đức C 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/11/2023. Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hà Văn Ph1 07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/11/2023. Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy được niêm phong trong 02 Ph bì ghi “Hoàn trả mẫu vật sau giám định” niêm Ph số 1634/KL-KTHS; 1 đĩa sứ màu trắng; 1 thẻ ATM màu xanh của ngân hàng AGRIBANK mang tên TRUONG DAI PH; 1 bật lửa gas màu đỏ.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 1 điện thoại di động Iphone 6 màu xám thu của Hà Văn Ph1; 1 điện thoại di động SAMSUNG Galaxy J5 prime đã qua sử dụng thu của Trương Đại Ph và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn làm ống hít.

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 không quản lý và giao chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Elantra màu trắng biển kiểm soát: x cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trương Văn Đ, sinh năm 1970, trú tại thôn ThC, xã NTh, huyện T1, tỉnh T2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/02/2024 tại Công an huyện T1, tỉnh T2).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C, Hà Văn Ph1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Các bị cáo Đinh Văn Ng, Trương Đại Ph, Trương Đức C, Hà Văn Ph1; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn Đ, anh Phạm Mai H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/4/2024.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án về vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- CA; Nhà tạm giữ CA huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền